

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2019/HSST

Ngày 16 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Nhân Đạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 9/2019/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Kiều Duy T - Sinh ngày: 25/7/1992

Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Cụm 9, xã S, huyện P, TP Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 01/12.

Con ông: Kiều Duy C - Sinh năm 1966. Con bà: Lê Thị K – Sinh năm 1968. Hiện nay đang ở Cụm 9, xã S, huyện P, TP Hà Nội.

Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2.

Tiền án:

Tại bản án số 39/2011/HSST ngày 16/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản án số 120/2015/HSST ngày 20/05/2015, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Cưỡng dân”.

- Tiền sự: Không

Bị cáo Kiều Duy T bị bắt tạm giam ngày 03/11/2018, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Đình Th (Tên gọi khác: Nguyễn Khả Th) - Sinh ngày: 26/4/1996

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở hiện nay : Cụm 2, xã L, huyện P, TP Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 9/12.

Con ông: Nguyễn Đình Kh (tức Nguyễn Khả Khá) - sinh năm 1971.

Con bà: Hà Thị M - sinh năm 1969. Hiện nay đang ở Cụm 2, xã L, huyện P, TP Hà Nội.

Anh chị em ruột: Có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2

Tiền án:

Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không

Lịch sử bản thân:

Tại bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Nguyễn Đình Th bị bắt tạm giam ngày 06/12/2018, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

3. Họ và tên: Nguyễn Hoài L - Sinh ngày 05/8/1998.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở hiện nay: Cụm 6, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 9/12.

Con ông: Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1974.

Con bà: Nguyễn Thị A - sinh năm 1976. Hiện nay đang ở Cụm 6, xã V, huyện P, TP. Hà Nội.

Anh chị em ruột: Có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án + tiền sự: Không

Lịch sử bản thân:

Tại bản án số 69/2015/HSST ngày 29/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Hiện nay bị cáo Nguyễn Hoài L đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt)

4. Họ và tên: Đoàn Văn D (Tên gọi khác: B) - Sinh ngày 07/6/1992

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở hiện nay: Cụm 10, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 9/12.

Con ông: Đoàn Văn Đ – sinh năm 1968. Con bà: Nguyễn Thị L – sinh năm 1968. Hiện nay đang ở Cụm 10, xã V, huyện P, TP. Hà Nội.

Anh chị em ruột: Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án:

Tại bản án số 127/2015/HSST ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018, bị Tòa án huyện P xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù theo bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, và 9 tháng tù theo Bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án huyện P, buộc D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 bản án là 5 năm 3 tháng tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Đoàn Văn D hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị hại:

1. Anh Phùng Đình H2 – sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện N, thành phố Hà Nội

2. Ông Phạm Xuân Ph – sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

3. Chị Trần Thị H – sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

1- Anh Lê Văn Th2 – sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Cụm 4, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội

2- Chị Trần Ngọc Á – sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện T, thành phố Hà Nội

3- Chị Lê Thị K – sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Cụm 9, xã S, huyện P, thành phố Hà Nội

4- Anh Nguyễn Đình Kh (Nguyễn Khả Kh) – sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Cụm 2, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 31/10/2018, Công an huyện Thanh Thủy nhận được đơn trình báo của ông Phạm Xuân Ph- sinh năm 1958, ở khu 3, xã Đ, huyện Thanh Thủy về việc: Khoảng 8 giờ ngày 31/10/2018, ông Ph dựng chiếc xe Hoda Dream BKS 19Z5 – 840x của mình tại lề đường tỉnh lộ 317 thuộc khu 3 xã Đ, huyện Thanh Thủy thì bị kẻ gian trộm cắp. Đến 17 giờ cùng ngày, Công an huyện Thanh Thủy tiếp nhận đơn trình báo của bà Trần Thị H – sinh năm 1972, ở khu 7 xã X, huyện Thanh Thủy về việc: Sáng ngày 31/10/2018, bà H dựng chiếc xe Honda Wave alpha BKS 19L1 – 139.5x của gia đình tại mép đường bê tông khu vực đồng phần trăm thuộc khu 5 xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy để xuống làm cỏ ngô thì bị kẻ gian trộm cắp. Sau khi tiếp nhận thông tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, điều tra, thu thập các tài liệu chứng cứ, lấy lời khai những người bị hại, người liên quan để làm rõ nội dung vụ việc. Bằng các biện pháp nghiệp vụ, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã xác định một trong các đối tượng trộm cắp xe của ông Phụ và chị Hương là Kiều Duy T – Sinh năm 1992, ở Cụm 9, xã S, huyện P, thành phố Hà Nội. Tại Cơ quan điều tra, Kiều Duy T khai nhận: Sáng ngày 31/10/2018, T cùng Nguyễn Đình Th (tức Nguyễn Khả Th) – Sinh năm 1996, ở Cụm 2, xã Long Xuyên, huyện P, thành phố Hà Nội và Nguyễn Hoài L – Sinh năm 1998, ở Cụm 6, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn các xã Đoan Hạ và Xuân Lộc, thuộc huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ sau đó bán xe đã trộm cắp cho Đoàn Văn Dương – Sinh năm 1992 ở Cụm 10, xã Vống Xuyên, huyện P, thành phố Hà Nội.

Căn cứ lời khai của Kiều Duy T và các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Kiều Duy T và thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter màu đỏ - đen BKS 29V3-01559 cùng 01 đôi gương chiếu hậu tại gầm cầu thang tầng 01 nhà T; Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đình Th, Cơ quan điều tra tạm giữ trong kết sắt kê tại phòng ngủ nhà Th số tiền 8.000.000đ; Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hoài L và Đoàn Văn D, Cơ quan điều tra không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, nội dung vụ án được làm rõ như sau:

Do quen biết từ trước nên vào khoảng tháng 9/2018, Kiều Duy T – Sinh năm 1992, ở Cụm 9, xã S, huyện P, thành phố Hà Nội đã nhờ Đoàn Văn D – Sinh năm 1992, ở Cụm 10, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội giới thiệu cho T người để cùng T đi trộm cắp xe máy thì D đồng ý rồi cho T số điện thoại của Nguyễn Đình Th (tức Nguyễn Khả Th) – Sinh năm 1996, ở Cụm 2, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi được D cho số điện thoại của Thành, T đã liên lạc với Th, rủ Th đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì Th đồng ý. Sau đó, T và Th cùng nhau đi mua 01 tay công và 02 đầu tua vít tại một cửa hàng ở thị xã Sơn

Tây, thành phố Hà Nội rồi Thành đem về chế tạo thành bộ vạm phá khóa hình chữ “L” làm công cụ để đi trộm cắp xe máy. Đến ngày 30/10/2018, sau khi đi uống bia cùng Nguyễn Hoài L – Sinh năm 1998, ở Cụm 6, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, Th có nói với L là “Tao có ông anh tên là T ở S, tý nữa đi cùng tao nhé”. Do quen biết nhau đã lâu và biết Thành thường xuyên trộm cắp xe máy để lấy tiền tiêu xài nên khi nghe Th nói vậy, L biết là Th rủ L đi trộm cắp xe máy cùng Th và T nên L đồng ý. Sau đó, Th đưa L đến giới thiệu với T rồi cả ba thống nhất cách thức trộm cắp xe máy như sau: T là người điều khiển xe máy chở Th và L di chuyển theo các tuyến đường quốc lộ, liên tỉnh, liên huyện tìm kiếm xe máy để trộm cắp. Sau khi phát hiện có xe máy để sơ hở, không có người trông giữ thì T sẽ dừng xe rồi cùng L cảnh giới cho T tiếp cận và dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước phá khóa điện để trộm cắp xe rồi điều khiển xe máy trộm cắp được tẩu thoát. Sau khi tẩu thoát được, Thành sẽ đưa xe cho L đem về cất giữ sau đó bán lấy tiền chia nhau.

Bằng thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2018, T cùng đồng bọn liên tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Tam Nông và huyện Thanh Thủy của tỉnh Phú Thọ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 19/10/2018, Kiều Duy T điều khiển xe máy Yamaha Exiter BKS 29V3-015.5x chở Nguyễn Đình Th đem theo 01 bộ vạm phá khóa chuẩn bị từ trước đi theo quốc lộ 32 hướng về phía cầu Trung Hà. Sau khi đi qua cầu Trung Hà, T điều khiển xe rẽ trái vào tỉnh lộ 317, đến khu vực cách cổng chào huyện Thanh Thủy khoảng 200-300m thuộc địa phận khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, thấy chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 29V1-3789x của anh Phùng Đình H2 – sinh năm 1984, ở thôn C, xã P, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đang dựng trong sân nhà chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1982, ở khu 1, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ không có người trông giữ nên T dừng xe cảnh giới, còn Th đi bộ vào trong sân nhà chị L rồi đi đến vị trí chiếc xe, dùng vạm phá khóa phá khóa điện của xe, sau đó nổ máy và điều khiển chiếc xe tẩu thoát. Sau đó, T và Th đem chiếc xe Honda Wave alpha 29V1-3789x vừa trộm cắp được đến nhà Đoàn Văn D - Sinh năm 1992, ở Cụm 10, xã , huyện P, thành phố Hà Nội để bán cho D. Sau khi T nói chiếc xe là do T và Th trộm cắp được thì D trả giá chiếc xe là 4.000.000đ rồi đưa tiền cho T, sau đó T, Th cùng nhau đi về rồi chia nhau số tiền bán xe mỗi người được 2.000.000 đồng. Một thời gian sau, D đã bán chiếc xe trên cho một người nam giới không biết cụ thể tên tuổi, địa chỉ ở phường Dịch Vong, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với giá 4.500.000đ. Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tam Nông xác định chiếc xe mô tô Honda Wave alpha 29V1-3789x của anh Phùng Đình H2 có giá là 15.000.000đ. Cơ quan điều tra đã không thu hồi được chiếc xe trên, anh H2 đề nghị bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 31/10/2018, Kiều Duy T điều khiển xe mô tô Honda Air Blade không lắp biển kiểm soát (xe do T và Th trộm cắp được trên địa bàn huyện Ba Vì, TP.Hà Nội trước đó) chở Nguyễn Đình Th và Nguyễn Hoài L đi tìm xem có xe máy nào sơ hở để trộm cắp. T điều khiển xe đi theo quốc lộ 32 hướng về cầu Trung Hà, sau đó đi theo tỉnh lộ 414, qua cầu Đồng Quang, rẽ phải vào tỉnh lộ 317 thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ rồi đi về hướng cầu Trung Hà thuộc xã Hồng Đà, huyện Tam Nông. Khoảng 8 giờ 30 phút, khi đi đến địa phận khu 3 xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy thì thấy chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 19Z5-84xx của ông Phạm Xuân Ph - sinh năm 1958, ở khu 3, xã Đ, huyện Thanh Thủy đang dừng ở ven đường trước cổng một nhà dân. Thấy xe không có người trông giữ, T dừng xe để Th đi đến trộm cắp chiếc xe trên. Thành cầm theo chiếc vạm phá khóa rồi đi đến vị trí dựng chiếc xe, dùng vạm phá khóa điện của xe nổ máy và điều khiển xe đi về hướng cầu Trung Hà còn T điều khiển xe máy Air Blade chở L đi theo phía sau. Khi đi đến gần cầu Trung Hà, Th giao xe Honda Dream BKS 19Z5-84xx vừa trộm cắp được cho L và bảo L đi về nhà trước để T và Th tiếp tục đi trộm cắp xe máy. Sau khi nhận xe, L điều khiển xe đi theo quốc lộ 32 hướng về huyện P, thành phố Hà Nội. Trên đường đi, L dừng xe rồi tháo bỏ biển kiểm soát của xe và vứt xuống ao ở ven đường, sau đó L đem xe về nhà L cất giấu. Đến chiều ngày 31/10/2018, Linh đem chiếc xe trên đến để tại nhà Th, sau đó T gọi điện thoại cho chị Trần Ngọc Á – sinh năm 1994, ở huyện T, thành phố Hà Nội (là bạn gái của T) lên xã Võng Xuyên, huyện P gặp T rồi T bảo chị Á đi chiếc xe Yamaha Exiter BKS 29V1-015.5x của T đến nhà D và chờ T ở đó. Còn T đến nhà Th lấy chiếc xe Honda Dream trộm cắp được của ông Ph sau đó đem đến nhà D để bán. Nhưng do D trả giá thấp nên T không bán mà đem về rồi đem đến quán rửa xe của anh Lê Văn Thắng – sinh năm 1986, ở cụm 4, xã Võng Xuyên, huyện P để rửa và gửi lại đó. Còn chị Á đi chiếc xe Yamaha Exiter BKS 29V1-015.5x của T về nhà T. Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh Thủy xác định chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 19Z5-840x của ông Phạm Xuân Ph có giá là 10.000.000đ. Chiếc xe sau đó đã được thu hồi và trả lại cho ông Ph, ông Ph không đề nghị bồi thường gì thêm.

Vụ thứ ba: Sau khi giao xe Honda Dream BKS 19Z5-840x trộm cắp của ông Phạm Xuân Ph cho L đi về trước, T điều khiển xe mô tô Honda Air Blade chở Thành quay lại đi theo tỉnh lộ 317 hướng đi thị trấn Thanh Thủy để tiếp tục trộm cắp xe máy. Khi đi đến khu vực gần cánh đồng ngô thuộc địa phận khu 5, xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, các đối tượng thấy chiếc xe mô tô Honda Wave alpha màu xanh BKS 19L1-139.5x của chị Trần Thị H – sinh năm 1972, ở khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy dừng ở ven đường bê tông giữa cánh đồng, nối với tỉnh lộ 317 không có người trông giữ nên T điều khiển xe đi xuống đường bê tông, đến gần vị trí chiếc xe thì dừng xe lại để Th xuống trộm cắp. Th đi đến vị trí

chiếc xe, dùng vạm phá khóa phá khóa điện của xe, nổ máy và điều khiển xe lên đường tỉnh lộ 317, đi xuôi về phía cầu Trung Hà, qua cầu đi theo quốc lộ 32 về thị xã Sơn Tây, còn T điều khiển xe Honda AirBlade đi đằng sau. Khi đi đến khu vực gần bệnh viện Sơn Tây, T và Th dừng xe, kiểm tra cốp xe mô tô vừa trộm cắp được thì thấy có 01 giấy phép lái xe số X1493xx mang tên Trần Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19L1-139.5x mang tên Nguyễn Hồng Q ở khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô BKS 19L1-139.5x, T giữ các giấy tờ trên rồi cùng Th đi về huyện P. Sau đó, T đem chiếc xe mô tô BKS 19L1-139.5x trộm cắp được đến nhà D để bán cho D. Khi gặp D, T có nói với D chiếc xe là do trộm cắp mà có, D trả giá chiếc xe là 4.000.000đ rồi đưa tiền cho T, T cầm tiền rồi đi về. Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Thủy xác định chiếc xe mô tô BKS 19L1-139.5x của chị Trần Thị H có giá là 13.000.000đ. Chiếc xe sau đó đã được thu hồi và trả lại cho chị H, chị H không đề nghị bồi thường gì thêm.

Trong ngày 31/10/2018, ngoài bán cho D chiếc xe trộm cắp của chị H với giá là 4.000.000đ thì T còn bán cho D 02 chiếc xe khác do T và Th trộm cắp trên địa bàn huyện Ba Vì là chiếc xe Honda Wave RSX BKS 29V1-214.3x với giá 3.500.000đ và chiếc xe Honda AirBlade màu vàng đồng không gắn biển kiểm soát với giá 6.000.000đ. Tổng số tiền T bán xe trộm cắp cho D mà có trong ngày 31/10/2018 là 13.500.000đ, T chia cho Th 5.000.000đ, chia cho L 4.000.000đ, còn T giữ lại 4.500.000đ cho bản thân. Ngoài ra, trong ngày 31/10/2018, T còn bán cho một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ 01 chiếc xe Vision do T cùng Th và L trộm cắp tại thị xã Sơn Tây vào đêm ngày 30/10/2018 với giá 6.000.000đ, số tiền này T không chia cho Th và L và giữ lại sử dụng cho bản thân.

Ngoài 03 vụ trộm cắp xe thực hiện trên địa bàn huyện Tam Nông và huyện Thanh Thủy thuộc tỉnh Phú Thọ, T cùng đồng bọn còn trộm cắp 09 chiếc xe mô tô khác trên địa bàn huyện P, thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì thuộc thành phố Hà Nội. Đối với 09 chiếc xe này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã có Công văn trao đổi, phối hợp điều tra với Công an các địa phương nơi xảy ra hành vi của các đối tượng để điều tra theo thẩm quyền.

Về trị giá tài sản các đối tượng trộm cắp, tiêu thụ được xác định như sau: Quá trình thực hiện hành vi trộm cắp, Kiều Duy T và Nguyễn Đình Th tham gia cả ba vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Tam Nông và huyện Thanh Thủy thuộc tỉnh Phú Thọ gồm: xe mô tô BKS 29V1-3789x, xe mô tô 19Z5-840x và xe mô tô BKS 19L1-139.xx do đó xác định trị giá tài sản T và Th trộm cắp là tổng trị giá của 03 chiếc xe trên, là 38.000.000đ; Nguyễn Hoài L tham gia hai vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Thanh Thủy gồm xe mô tô BKS 19Z5-840x và xe mô tô BKS 19L1-139.xx, trong đó L trực tiếp tham gia trộm cắp xe mô tô BKS 19Z5-840x, sau đó đem chiếc xe này về cất giữ để tạo điều kiện cho T và Th tiếp tục đi trộm

cấp chiếc xe mô tô BKS 19L1-139.xx, sau đó L được chia tiền sau khi bán được chiếc xe trên, do đó xác định giá trị tài sản L trộm cắp là tổng giá trị của hai chiếc xe trên, là 23.000.000 đồng; Đối với Đoàn Văn D, đã có hành vi tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô do T và đồng phạm trộm cắp gồm xe mô tô BKS 29V1-378.xx và xe mô tô BKS 19L1-139.5x, tổng trị giá 02 chiếc xe này là 28.000.000đ. Do đó, xác định giá trị tài sản D tiêu thụ là 28.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn D đã tự giác giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy 01 xe mô tô Honda Wave alpha BKS 19L1-139.5x và 01 xe mô tô Honda Air Blade màu vàng đồng không gắn biển kiểm soát, không gương chiếu hậu, số khung RLHJF2702BY3216xx, số máy JF27E-13088xx, 01 đăng ký xe máy BKS 21U1-063.xx đứng tên Nguyễn Minh S, 01 BKS: 29U1-063.xx; Kiều Duy T tự giác giao nộp 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 19L1-139.xx mang tên Nguyễn Hồng Q, 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô BKS 19L1-139.xx; 01 đăng ký xe mô tô BKS 29V3-015.xx mang tên Lê Minh Đ cùng số tiền 2.000.000đ, là số tiền còn lại trong số tiền bán xe trộm cắp được; Nguyễn Đình Th tự giác giao nộp 01 tay công dài 13cm, 01 mũi văm dài 5cm và 01 điện thoại di động Nokia 3310, bên trong lắp sim số 0964.532.xxx; Lê Văn Th2 tự giác giao nộp 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung 08058Y0569xx, số máy HA08E10684xx.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 02/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Kiều Duy T, Nguyễn Đình Th, Nguyễn Hoài L về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn D về tội Tiêu Thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự; Ngày 03/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tam Nông đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Kiều Duy T và Nguyễn Đình Th về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy để điều tra chung. Tại Cơ quan điều tra, các bị can đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, với lời khai của những người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Kiều Duy T, kết quả điều tra xác định T đã 02 lần bị Tòa án nhân dân xét xử, cụ thể: Tại bản án số 39/2011/HSST ngày 16/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2012; Tại Bản án số 120/2015/HSST ngày 20/05/2015, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Cuồng dâm” ngày 10/5/2014. Chấp hành xong hình phạt ngày 12/05/2018. Theo quy định của pháp luật

thì T chưa được xóa án tích đối với 02 bản án nêu trên, nên lần phạm tội này của T thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Đối với Nguyễn Đình Th, kết quả điều tra xác định Th đã 02 lần bị Tòa án nhân dân xét xử, cụ thể: Tại bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Thành 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 02/07/2016, chưa thi hành khoản tiền án phí tiền bồi thường trách nhiệm dân sự; Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt Thành 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 04/5/2018. Tại thời điểm Th thực hiện hành vi phạm tội Cố ý gây thương tích, Th chưa đủ 18 tuổi. Do đó, theo quy định của pháp luật thì bản án số 53 ngày 26/01/2015 không bị coi là án tích đối với Th, nên Th chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” đối với bản án số 49 ngày 22/8/2017.

Đối với Nguyễn Hoài L, kết quả điều tra xác định L đã 01 lần bị Tòa án nhân dân xét xử, cụ thể: Tại bản án số 69/2015/HSST ngày 29/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Theo Khoản 3 Điều 104 – BLHS năm 1999, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là ngày 29/6/2014. L được đặc xá tha tù trước thời hạn ngày 01/12/2016 và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 9/8/2016, khi thực hiện hành vi phạm tội trên thì L chưa đủ 16 tuổi, do đó theo quy định của pháp luật thì L không bị coi là có án tích đối với bản án nêu trên. Vì vậy lần phạm tội này của L không thuộc trường hợp “Tái phạm” và L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với Đoàn Văn D, kết quả điều tra xác định D đã 04 lần bị Tòa án nhân dân xét xử, cụ thể: Tại bản án số 127/2015/HSST ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tại bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Được hoãn chấp hành hình phạt tù; Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Được hoãn chấp hành hình phạt tù; Tại bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018, bị Tòa án huyện P xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù theo bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, và 9 tháng tù theo Bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án huyện P, buộc D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 bản án là 5 năm 3 tháng tù. Bị can đang được hoãn thi hành án theo Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù số 07/2018/QĐ-CA ngày 25/7/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P. Theo quy định của pháp luật thì D chưa được xóa án tích đối với các bản án trên, do đó lần phạm tội này của D thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Đối với anh Lê Văn Th1, là người đã cho Kiều Duy T để chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung 08058Y056999, số

máy HA08E1068427, là chiếc xe do T trộm cắp được của ông Phạm Xuân Ph. Tuy nhiên, khi T để xe tại nhà anh Th1 thì T không hỏi anh Th1 và T cũng không nói cho anh Th1 biết đó là xe do T trộm cắp mà có, bản thân anh Th1 cũng không biết đó là xe trộm cắp. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với anh Th1 trong vụ án này.

Đối với chị Trần Ngọc Á, là người đã đi cùng Kiều Duy T đến nhà Đoàn Văn D để T bán chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu do T trộm cắp của ông Phạm Xuân Ph. Tuy nhiên, khi T bảo chị Á đi đến nhà D thì T không nói cho chị A biết là đi bán xe trộm cắp, bản thân chị A cũng không biết việc T đi trộm cắp chiếc xe trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với chị A trong vụ án này.

Về vật chứng của vụ án, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho ông Phạm Xuân Ph 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung 08058Y0569xx, số máy HA08E10684xx và 01 đăng ký xe mô tô BKS 19Z5-840x; Trả lại cho chị Trần Thị H 01 chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 19L1-139.xx, 01 giấy phép lái xe máy mang tên Trần Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hồng Q và 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô BKS 19L1-139.xx.

Đối với các vật chứng gồm: 01 đôi gương chiếu hậu; 01 xe mô tô Yamaha Exiter màu đỏ đen BKS 29V3-015xx; 01 đăng ký xe mô tô BKS 29V3-015.xx mang tên Lê Minh Đ; 01 xe mô tô Honda Air Blade màu vàng đồng không gắn biển kiểm soát, không gương chiếu hậu, số khung RLHJF2702BY3216xx, số máy: JF27E-13088xx; 01 đăng ký xe mô tô BKS 29U1-063.xx mang tên Nguyễn Minh S và 01 BKS 29U1-063.xx, là các vật chứng liên quan đến hành vi trộm cắp của các bị cáo tại địa bàn huyện Ba Vì, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì để điều tra, làm rõ theo.

Các vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 tay công được làm bằng kim loại màu trắng, dài 13cm, một đầu tay công được gắn cố định với một đầu nổi mặt trong hình lục giác; 01 mũi văm dài 5cm, một đầu lục giác, một đầu dẹt hai cạnh; 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu trắng xanh lắp sim số 0964.532.xxx (thu giữ của Nguyễn Đình Th) và số tiền 10.000.000đ (trong đó 2.000.000đ là do Kiều Duy T giao nộp, 8.000.000đ thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Đình Th).

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSTT ngày 21 tháng 02 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Kiều Duy T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173- Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự Truy tố bị cáo Đoàn Văn D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 323- Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Kiều Duy T về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Đình T, bị cáo Nguyễn Hoài L về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Đoàn Văn D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 323- Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Kiều Duy T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình Th (Nguyễn Khả Th) từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/12/2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm i, điểm s, điểm v Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hoài L từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 – BLHS cho các bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L.

Căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 323 điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 55, Khoản 2 Điều 56 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Đoàn Văn D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với 05 năm 03 tháng tù của bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, TP Hà Nội. Buộc bị cáo Đoàn Văn D phải chấp hành cho cả 02 bản án từ 09 năm 03 tháng đến 09 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 323 – BLHS cho bị cáo Đoàn Văn Dương.

Xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 375 – Bộ luật Dân Sự.

Tịch thu 01 chiếc tay công kim loại màu trắng dài 13 cm, một đầu tay công được gắn cố định với một đầu nối hình lục giác; 01 mũi văm dài 5 cm, một đầu hình lục giác, một đầu dẹt hai cạnh để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình Th 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3310 màu trắng xanh lắp sim số 0964.532.xxx để tiêu hủy.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình khá số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Th số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hoài L số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho chị Trần Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu xanh- đen- bạc. BKS 19 L1 – 139.xx; 01 chiếc giấy đăng ký xe máy BKS 19 L1 – 139.xx. Tên chủ xe Nguyễn Hồng Q; 01 bằng lái xe mang tên Trần Thị H; 01 bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Hồng Q. Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 30/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Duy T và bị cáo Nguyễn Đình Th phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phùng Đình H2 chiếc xe Hon da Wave alpha - BKS29 V1 – 378.90 trị giá là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Phần bồi thường bị cáo T và bị cáo Thành đã thỏa thuận như sau:

Bị cáo Kiều Duy T bồi thường số tiền 8.000.000đ (Tám triệu năm đồng).

Bị cáo Nguyễn Đình Th bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Đoàn Văn D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa với lý do mắc căn bệnh hiểm nghèo đang được điều trị tại bệnh viện Đa khoa huyện P, TP Hà Nội có xác nhận của Cơ quan Bệnh viện huyện P, TP Hà Nội. Ông Phạm Xuân Ph; chị Trần Thị H là bị hại trong vụ án. Chị Lê Thị K; anh Lê Văn Th1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng họ vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, biên bản đối chất tại Cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không làm thay

đổi đến bản chất, nội dung vụ án. Căn cứ Điều 290, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng họ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của người bị hại, biên bản đối chất và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19/10/2018, tại khu 1, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Kiều Duy T – Sinh năm 1992, ở Cụm 9, xã S, huyện P, thành phố Hà Nội và bị cáo Nguyễn Đình Th – Sinh năm 1996, ở Cụm 2, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 29V1-3789x của anh Phùng Đình H2 – Sinh năm 1984, ở thôn C, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, chiếc xe có giá là 15.000.000đ; Ngày 31/10/2018, tại khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Kiều Duy T; bị cáo Nguyễn Đình Th và bị cáo Nguyễn Hoài L – Sinh năm 1998, ở Cụm 6, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 19Z5-840x của ông Phạm Xuân Ph - Sinh năm 1958, ở khu 3, xã Đ, huyện Thanh Thủy, chiếc xe có giá là 10.000.000đ; Ngày 31/10/2018, tại khu 5 xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Kiều Duy T cùng bị cáo Nguyễn Đình Th đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 19L1-139.xx của chị Trần Thị H – Sinh năm 1972, ở khu 7 xã X, huyện Thanh Thủy, chiếc xe có giá là 13.000.000đ. Như vậy, bị cáo Kiều Duy T và bị cáo Nguyễn Đình Th đã trực tiếp tham gia trộm cắp cả 03 chiếc xe mô tô trên, với tổng giá trị là 38.000.000đ, do đó trị giá tài sản bị cáo T, bị cáo Th trộm cắp là 38.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Hoài L đã trực tiếp cùng bị cáo T và bị cáo Th trộm cắp 01 chiếc xe mô tô có trị giá là 10.000.000đ. Nhưng bản thân các bị cáo T, bị cáo Th và bị cáo L đã có thỏa thuận từ trước là sau khi trộm cắp được xe thì bị cáo L sẽ đem xe về để bị cáo T và bị cáo Th tiếp tục đi trộm cắp xe khác, và trong số tiền bị cáo L được chia thì có cả tiền bán xe trộm cắp được của chị H. Do đó, xác định giá trị tài sản bị cáo Linh tham gia trộm cắp là tổng giá trị chiếc xe của ông Phạm Xuân Ph và chị Trần Thị H là 23.000.000đ. Bị cáo Đoàn Văn D biết rõ chiếc xe mô tô BKS 29V1-37890 và xe mô tô BKS: 19L1-139.xx là xe do bị cáo T cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vì hám lời nên bị cáo D vẫn mua 02 chiếc xe mô tô trên. Do đó, xác định tài sản bị cáo D tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô có giá trị 28.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Kiều Duy T đã phạm tội Trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo T đã có 02 tiền án lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” và bị xử lý theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình Th và bị cáo Nguyễn Hoài L đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự. Do vậy hành vi của bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L là hành vi “ *Trộm cắp tài sản*” cần xử lý nghiêm minh theo quy định tại Điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1." *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.*”

2 “ *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”

.....

g) *Tái phạm nguy hiểm*”.

Hành vi của bị cáo Đoàn Văn D đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bản thân bị cáo D đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo D thuộc trường “*Tái phạm nguy hiểm*” cần xử lý theo quy định tại Điều đ Khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 323 – Bộ luật Hình sự quy định

1.“ *Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. “ *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*”.

.....

đ)*Tái phạm nguy hiểm.*

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo T, bị cáo T, bị cáo L, bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất an ninh trong khu vực, tạo nên tâm lý hoang mang lo sợ trong khu dân cư và quần chúng nhân dân trong việc trông giữ, bảo vệ tài sản của mình. Với lỗi cố ý bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo L đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo L là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không muốn làm lại muốn có tiền chi tiêu, nên các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác dẫn đến vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của từng bị cáo HĐXX nhận thấy. Bị cáo Kiều Duy T là người có nhân thân xấu trong một thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn Tam Nông, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trong những lần thực hiện hành vi trộm cắp thì bị cáo T là người đã chủ động rủ rê,

lôi kéo bị cáo Th, bị cáo L cùng tham gia trộm cắp. Trước lần phạm tội này bị cáo đã 02 (Hai) lần bị Tòa án xét xử. Tại bản án số 39/2011/HSST ngày 16/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 120/2015/HSST ngày 20/05/2015, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Cưỡng dân”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 12/05/2018. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo T chưa được xóa án tích đối với 02 bản án nêu trên, nên lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình Th là người có nhân thân xấu trước lần phạm tội này bị cáo đã 02 (Hai) lần bị Tòa án xét xử. Tại bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 02/07/2016, nhưng chưa thi hành khoản tiền án phí và tiền bồi thường trách nhiệm dân sự. Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành Phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 04/5/2018. Tại thời điểm bị cáo Th thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích, thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó theo quy định của pháp luật thì bản án số 53/HSST ngày 26/01/2015 không bị coi là án tích đối với bị cáo Th, nên bị cáo Thành chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*” đối với bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài L trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án xét xử. Tại bản án số 69/2015/HSST ngày 29/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là ngày 29/6/2014. Bị cáo được đặc xá tha tù trước thời hạn ngày 01/12/2016, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 9/8/2016. Khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo L chưa đủ 16 tuổi, do đó theo quy định của pháp luật thì bị cáo L không bị coi là có án tích đối với bản án nêu trên. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo L không thuộc trường hợp “*Tái phạm*”.

Đối với bị cáo Đoàn Văn D là người có nhân thân xấu trước lần phạm tội này bị cáo đã 04 (bốn) lần bị Tòa án xét xử. Tại bản án số 127/2015/HSST ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017, bị Tòa án huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018, bị Tòa án huyện P xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù theo bản án số 41/2017/HSST ngày 07/8/2017, và 9 tháng tù theo Bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án huyện P, buộc D phải chấp hành hình phạt

chung cho cả 3 bản án là 5 năm 3 tháng tù. Bị cáo được hoãn chấp hành thi hành án theo quyết định hoãn thi hành án số 07/2018/QĐ - CA ngày 25/7/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo D chưa được xóa án tích đối với các bản án trên, do đó lần phạm tội này của bị cáo D thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân làm ăn lao động chân chính tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, gia đình và đóng góp cho xã hội mà các bị cáo tiếp tục lao vào con đường phạm tội chứng tỏ bị cáo đã coi thường pháp luật.

Xong trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, Tại phiên tòa hôm nay bị hại là anh Phùng Đình H2 có mặt đã yêu cầu được bồi thường giá trị chiếc xe mô tô với số tiền là 15.000.000đ và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Th. Do đó bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 - BLHS. Trong vụ án này bị cáo T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 – BLHS. Bị cáo Thành phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 – BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo Linh đã có thời gian học tập trong môi trường Quân đội, trong quá trình học tập tại đơn vị Quân đội bị cáo L đã có thành tích xuất sắc được Bộ Văn hóa thể dục thể thao tặng thưởng Huy chương vàng giải vô địch WUSHU toàn Quốc năm 2013. Do vậy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s, điểm v Khoản 1 Điều 51 - BLHS. Trong vụ án này bị cáo Linh phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 – BLHS.

Đối với bị cáo Đoàn Văn D đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng trước đó tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có bản lời khai, bản kiểm điểm, biên bản đối chất bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo D được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 - BLHS. Trong vụ án này bị cáo Dương phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 – BLHS. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và các quy định khác của pháp luật. HĐXX thấy rằng cần thiết xử phạt bị cáo T, bị cáo Thành, bị cáo Linh, bị cáo D hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tiếp tục rèn luyện, cải tạo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 – Bộ luật Hình sự thì các bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo L còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Theo quy định tại

Khoản 5 Điều 323 – BLHS thì bị cáo D còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Theo xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy thì các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 29 V1 – 3789x do bị cáo Kiều Duy T và bị cáo Nguyễn Đình Th trộm cắp của anh Phùng Đình H2 ngày 19/10/2018 có giá trị 15.000.000đ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không thu hồi được. Tại phiên tòa hôm nay anh H2 yêu cầu được bồi thường 15.000.000đ. HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường của anh H2 là có cơ sở được chấp nhận. Buộc bị cáo T, bị cáo Th có trách nhiệm liên đới bồi thường là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 19L1-139.xx do các bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo L trộm cắp của chị Trần Thị H đã bán được số tiền 4.000.000đ, các bị cáo đã chia nhau sử dụng hết. Đây là số tiền thu lời bất chính cần truy thu để sung quỹ Nhà Nước.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã thu giữ của gia đình ông Nguyễn Đình Kh số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Số tiền này không liên quan đến vụ án do vậy số tiền này cần được trả lại cho ông Khá quản lý sử dụng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã thu hồi và trả lại cho ông Phạm Xuân Ph 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung 08058Y0569xx, số máy HA08E10684xx và 01 đăng ký xe mô tô BKS 19Z5-840x; Trả lại cho chị Trần Thị H 01 chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 19L1-139.xx, 01 giấy phép lái xe máy mang tên Trần Thị H, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hồng Q và 01 bảo hiểm dân sự xe mô tô BKS 19L1-139.xx. Sau khi nhận lại tài sản ông Phụ và chị H không ai có yêu cầu bồi thường gì. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với anh Lê Văn Th2, là người đã cho bị cáo Kiều Duy T để chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung 08058Y0569xx, số máy HA08E10684xx, là chiếc xe do bị cáo T trộm cắp được của ông Phạm Xuân Ph. Tuy nhiên, khi bị cáo T để xe tại nhà anh Th2 thì bị cáo không hỏi anh Th2 và không nói cho anh Th2 biết đó là xe do bị cáo trộm cắp mà có, bản thân anh Th2 cũng không biết đó là xe trộm cắp. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với anh Th2 trong vụ án này.

Đối với chị Trần Ngọc Á, là người đã đi cùng bị cáo Kiều Duy T đến nhà bị cáo Đoàn Văn D để bị cáo T bán chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu do bị cáo T trộm cắp của ông Phạm Xuân Ph. Khi đến nhà bị cáo D thì bị cáo T không nói cho chị Á biết là đi bán xe trộm cắp, bản thân chị Á cũng không biết việc bị cáo T đi trộm cắp chiếc xe trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với chị Á trong vụ án này.

[3] Xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu 01 chiếc tay công kim loại màu trắng dài 13 cm, một đầu tay công được gắn cố định với một đầu nối hình lục giác; 01 mũi văm dài 5 cm, một đầu hình lục giác, một đầu dẹt hai cạnh để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình Th 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3310 màu trắng xanh lắp sim số 0964.532.520 để tiêu hủy.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình Kh số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Th số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hoài Li số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho chị Trần Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu xanh-đen- bạc. BKS 19 L1 – 139.5x; 01 chiếc giấy đăng ký xe máy BKS 19 L1 – 139.5x. Tên chủ xe Nguyễn Hồng Q; 01 bằng lái xe mang tên Trần Thị H; 01 bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Hồng Q. Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 30/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Duy T và bị cáo Nguyễn Đình Th phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phùng Đình H2 chiếc xe Hon da Wave alpha - BKS29 V1 – 378xx trị giá là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Phần bồi thường bị cáo T và bị cáo Th đã thỏa thuận như sau:

Bị cáo Kiều Duy T bồi thường số tiền 8.000.000đ (Tám triệu năm đồng).

Bị cáo Nguyễn Đình Th bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

[4] Về án phí hình sự: Bị cáo Đoàn Văn D được miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T, bị cáo Th còn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 173, Điều 323 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo Đoàn Văn D phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173 điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Kiều Duy T 5 (Năm) 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình Th (Tên gọi khác: Nguyễn Khả Th) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/12/2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm i, điểm s, điểm v, Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hoài L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 – BLHS cho các bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L.

Căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 323 điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 55, Khoản 2 Điều 56 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Đoàn Văn D 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp với 05 năm 03 tháng tù của bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, TP Hà Nội. Buộc bị cáo Đoàn Văn D phải chấp hành chung cho cả 02 bản án là 09 (Chín) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 323 – BLHS cho bị cáo Đoàn Văn D.

Xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 375 – Bộ luật Dân Sự.

Tịch thu 01 chiếc tay công kim loại màu trắng dài 13 cm, một đầu tay công được gắn cố định với một đầu nối hình lục giác; 01 mũi văm dài 5 cm, một đầu hình lục giác, một đầu dẹt hai cạnh để tiêu hủy

Tịch thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình Th 01 chiếc điện thoại di động Nokia 3310 màu trắng xanh lắp sim số 0964.532.xxx để tiêu hủy.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình Kh số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Kiều Duy T số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Th số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hoài L số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho chị Trần Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu xanh- đen- bạc. BKS 19 L1 – 139.xx; 01 chiếc giấy đăng ký xe máy BKS 19 L1 – 139.5x. Tên chủ xe Nguyễn Hồng Q; 01 bằng lái xe mang tên Trần Thị H; 01 bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Hồng Q. Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 30/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Duy T và bị cáo Nguyễn Đình Th phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phùng Đình H2 chiếc xe Hon da Wave alpha - BKS29 V1 – 378.90 trị giá là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Phần bồi thường bị cáo T và bị cáo Thành đã thỏa thuận như sau:

Bị cáo Kiều Duy T bồi thường số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Đình Th bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh Phùng Đình H2 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th không thanh toán số tiền trên, thì bị cáo T, bị cáo Th phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357- BLDS năm 2015.

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn văn D

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Kiều Duy T, bị cáo Nguyễn Đình Th, bị cáo Nguyễn Hoài L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Kiều Duy T phải chịu 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự, bị cáo Nguyễn Đình Thành phải chịu 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt có quyền kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân

tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh
- Sở Tư pháp
- THADS huyện, THA Hình sự
- Công an huyện
- UBND xã Đ, xã X
- UBND xã V, xã S
- UBND thị trấn Liên Quan
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Khoa Hương